

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2018

V/v tranh chấp “Hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX – ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Pt, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: tổ 9, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị P, anh Pt đều có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị P trình bày: Qua mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/97, quyển số 01, ngày 25/11/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Pt

nhiều lần sua đuổi chị, không quan tâm, mạnh ai nấy sống. Đến giữa năm 2017, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, từ khi ly thân đến nay gia đình cha mẹ hai bên cũng không hàn gắn, anh chị cũng không liên hệ để hàn gắn cuộc sống chung, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn Pt.

Về con chung: có hai con chung tên Hoàng Văn T, sinh ngày 19/3/1998 đã trưởng thành, tự lập được không yêu cầu xem xét giải quyết và cháu Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 23/02/2008, đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh Pt cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị P không yêu cầu hay có ý kiến nào khác.

*** Ông Hoàng Văn Pt có bản tự khai:** Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã ly thân trên 4-5 tháng, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P, về con chung: có 02 con, tên Hoàng Văn T, sinh ngày 19/3/1998 đã trưởng thành, tự lập được và cháu Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 23/02/2008, con đã lớn muốn sống ai theo nguyện vọng của con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Pt, chị P có đăng ký kết hôn. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Hoàng Văn T, sinh ngày 19/3/1998 đã trưởng thành, tự lập được không yêu cầu xem xét giải quyết và Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 23/02/2008, hiện đang sống với chị P, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh Pt cấp dưỡng cho con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn Pt nên quan hệ pháp luật của vụ án “Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Hoàng Văn Pt với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại: tổ 9, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Chị P, anh Pt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Pt, chị P có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp chứng nhận kết hôn số 10/97, quyển số 01, ngày 25/11/1997 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng của anh chị được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, chị P nhận thấy không còn tình cảm với anh Pt, cuộc sống chung không thể hàn gắn được vì ly thân trên 6 tháng mà anh chị không liên hệ, không có ý định hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng, anh Pt có bản tự khai cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P, nếu cả anh Pt, chị P có mặt tại phiên Tòa mà thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án thì Hội đồng xét xử sẽ công nhận thuận tình ly hôn tại phiên tòa, nhưng do các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử nhận định: cuộc sống chung của anh Pt, chị P không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Pt là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Pt.

[3] Về con chung: Hoàng Văn T, sinh ngày 19/3/1998 đã trưởng thành, tự lập được không yêu cầu xem xét giải quyết và Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 23/02/2008, hiện cháu V đang sống với chị P, chị có nguyện vọng được nuôi con, cháu V có bản tự khai mong muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vy cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được. Tuy nhiên, chị P phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Pt đến thăm nom và giáo dục

con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Pt thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị P không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh Pt không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P đối với anh Hoàng Văn Pt

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 23/02/2008, đến thành niên hoặc tự lập được, chị P phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Pt trong việc đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Anh Pt lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Pt. Anh Pt được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016782 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Anh Hoàng Văn Pt không phải chịu án phí.

Chị P, anh Pt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo